GIỚI THIỆU VỀ NƯỚC CHLB ĐỨC

Chúng ta đang sống trên một đất nước thuộc loại văn minh nhất hành tinh, nước CHLB Đức. Trong nửa đầu của thế kỷ thứ hai mươi, Đức đã gây cho nhân loại những khổ đau mất mát không thể tưởng tượng được bằng hai lần đại chiến. Từ đống tro tàn trên đất của kẻ bại trận, những người còn sống sót đã gạt nước mắt, cúi mặt đứng lên trước sự căm phẫn của cả thế giới. Trong nửa sau của thế kỷ thứ hai mươi, họ đã im lặng vận dụng toàn bộ ý chí và trí tuệ của dòng giống Giéc – manh để tạo nên đất nước Đức hùng cường ngày nay. Tại sao họ thành công, bí quyết nào đã dẫn đường cho sự vươn lên vĩ đại này? Chắc chắn sẽ có rất nhiều câu trả lời của các nhà sử học, xã hội học, chính trị gia, triết gia, những nhà khoa học…. Đối với chúng ta, những người Việt Nam đang sống và làm việc trên đất nước này, việc tìm hiểu về nước Đức là một điều bắt buộc, không những do nhu cầu hội nhập mà còn là trách nhiệm của lương tâm. Một nhóm chuyên gia người Việt kết hợp với Liên hiệp người Việt tại CHLB Đức đã dày công biên soạn tài liệu này. Hy vọng sẽ được bạn đọc đón nhận và bổ sung.

Liên hiệp người Việt tại CHLB Đức

ĐỂ HỘI NHẬP NGƯỜI TA CẦN
KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ NƯỚC ĐỨC
(BẰNG HAI NGÔN NGỮ ĐỨC – VIỆT)

Tại sao nó lại quan trọng?

Phần trích từ bài „Hội nhập“ (Bộ nội vụ Liên bang) thay cho Lời nói đầu của Dự án quan trọng này.

„Nước Đức là một nước cởi mở thân thiện với cộng đồng quốc tế. Khuyến khích hội nhập cho những người nhập cư sống lâu dài ở Đức là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chính sách đối nội, trong đó tư tưởng chỉ đạo vẫn là khuyến khích giúp đỡ và đòi hỏi trách nhiệm.

Mục đích là làm thế nào để tất cả những ai đã sống lâu dài và hợp pháp trên đất nước chúng ta hội nhập thành công vào xã hội và qua đó đảm bảo cho họ được hưởng những quyền lợi, cũng như trách nhiệm họ phải thực hiện. Hội nhập tức là làm thế nào để chúng ta thực sự cùng chung sống, chứ không phải tồn tại song song bên cạnh nhau…

Điều đó cũng khuyến khích tính quyện tụ xã hội và làm cho đất nước chúng ta hấp dẫn hơn đối với giới chuyên môn nước ngoài, những người chúng ta đang cần. Sự chung sống được thể hiện qua tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, tình đoàn kết và cùng san sẻ trách nhiệm xã hội.

Hội nhập cho những người nhập cư sẽ tạo điều kiện bình đẳng về cơ hội thăng tiến và quyền tham gia tự quyết trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là trong cuộc sống xã hội, kinh tế và văn hóa. Điều kiện cho việc này là tất cả những người có hướng ở lại lâu dài cần phải học tiếng Đức và cố gắng lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về lịch sử và cấu trúc nhà nước của chúng ta.

Về vấn đề này, chủ yếu là ý nghĩa của chế độ tự do dân chủ ở Đức, hệ thống đảng phái, cấu trúc liên bang, nhà nước xã hội, bình đẳng cũng như tính bao dung và tự do tín ngưỡng. Những người nhập cư cần phải biết Hiến pháp Đức và các bộ luật hiện hành, tôn trọng và tuân thủ nó.

Hội nhập thành công có nghĩa là tự cảm thấy mình là thành viên của một cộng đồng chung . Nó cũng có ý nghĩa làm tăng tính đồng cảm và biết nên sống như thế nào trong xã hội. Chính vì thế, việc nhập cư chỉ thành công khi nó là quá trình tương hỗ, với điều kiện được đa số người trong xã hội sẵn sàng chấp nhận – cũng như sự sẵn sàng của những người nhập cư, tôn trọng luật pháp của đất nước đã nhận cưu mang mình và tự cố gắng để hội nhập.

Những người nhập cư cần phải hội nhập tốt và bằng sự cố gắng của chính mình để có thể tận dụng những cơ hội mà nhà nước Đức dành cho tất cả mọi công dân nam nữ, cũng như những người mới đến nhập cư“

Liên hiệp Người Việt tại Đức tự nhận thấy trách nhiệm cần ủng hộ quá trình hội nhập này đã được chính phủ liên bang tạo điều kiện khuyến khích giúp đỡ. Kể từ hôm nay, trên trang báo mạng của chúng tôi có mục mới: **Kiến thức cơ bản về Hội nhập đối với người nước ngoài và về nước CHLB Đức** bằng hai ngôn ngữ, Đức và Việt. Mục đích của công việc này, một mặt cung cấp những thông tin quan trọng cho người Việt, mặt khác, do đọc hai ngôn ngữ, họ có thể củng cố thêm vốn tiếng Đức của mình.

Nội dung những bài về hội nhập này do một nhóm chuyên môn dưới sự chỉ đạo của ông Nguyễn Thế Tuyền (Berlin) tuyển chọn dành riêng cho người Việt Nam, được trình bày đơn giản và dễ hiểu. Chúng tôi hy vọng sẽ nhận được sự ủng hộ rộng rãi của người Việt đối với nhiệm vụ chung của tất cả chúng ta.

Tài liệu này bao gồm các lĩnh vực: Địa lý, Lịch sử, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Cấu trúc nhà nước, Người nước ngoài ở Đức, Những vấn đề… của nước Đức.

CHƯƠNG 1

Nước CHLB Đức, nơi chúng ta đang sống (Nguồn: Internet/Sách giáo khoa Địa lý-Klett)

Các bang ở Đức

Nước CHLB Đức là một quốc gia theo thể chế liên bang, nằm ở trung tâm châu Âu, bao gồm 16 bang, trong đó có ba đặc khu. Ba đặc khu là **Berlin** 3,4 triệu dân, **Hamburg** 1,7 triệu dân và **Bremen** 0,7 triệu dân. Ngoài ra còn có các bang **Schleswig- Holstein** 2,6 triệu dân, thủ đô Kiel, **Mecklenburg – Vorpommern** 1,9 triệu dân (Schwerin), **Niedersachsen** 7,4 triệu dân (Hannover), **Sachsen – Anhalt** 2,9 triệu dân (Magdeburg), **Brandenburg** 2,6 triệu dân (Potsdam), **Nordrhein – Westfalen** 17,4 triệu dân (Düsseldorf), **Hessen** 6 triệu dân (Wiesbaden), **Thüringen** 2,6 triệu dân (Erfurt), **Sachsen** 4,8 triệu dân (Dresden), **Rheinland – Pfalz** 3,8 triệu dân (Mainz), **Saarland** 1,1 triệu dân (Saarbrücken), **Baden – Württemberg** 9.9 triệu dân (Stuttgart) và **Bayern** 11,5 triệu dân (München). (xem bản đồ „Các bang ở Đức“)

Cộng hòa liên bang Đức là một nhà nước pháp quyền, tự do, dân chủ và xã hội. Thủ đô liên bang là Berlin. Ngoài chín nước giáp ranh, nước Đức còn có đường biên giới tự nhiên là Nordsee và Ostsee ở phía bắc, vùng núi An – pơ ở phía nam. Những nước láng giềng của Đức gồm Đan Mạch, Ba Lan, Tiệp, Áo, Thụy Sĩ, Pháp, Luc-xem-bua, Bỉ và Hà Lan. (xem bản đồ)

Những con sông lớn của Đức người ta có thể kể đến là: **Oder** (chảy qua Frankfurt/ O), **Elbe** (chảy qua Dresden, Magdeburg, Hamburg), **Weser** (chảy qua Bremen), **Main** (chảy qua Frankfurt/ M), **Rhein** (chảy qua vùng Ruhr), **Donau** (chảy qua Regensburg, Passau)

Biển Nordsee là biển tương đối nông, tiếp giáp với Đại Tây Dương. Phần lớn bãi biển ở đây phẳng. Ngoài khơi có hai quần đảo, quần đảo Ostfriesen và quần đảo Nordfriesen. Ven bờ biển thể hiện rất rõ do sự thay đổi thường xuyên của thủy triều, thủy triều lên và thủy triều xuống. Khi thủy triều xuống, một phần đáy biển lộ ra. Khi thủy triều lên mực nước lại dâng cao có khi đến 4 m. Vùng biển này người ta gọi là „Wattenmeer“.

Đi dạo trên phần đáy biển lộ thiên khi thủy triều xuống mà không có người hướng dẫn là rất nguy hiểm. Bởi vì thủy triều có thể dâng cao bất cứ lúc nào. Nhưng đây là một vùng quần thể sống độc nhất vô nhị trên thế giới. Ở đây có sò, cua, tôm, giun biển… Những sinh vật nhỏ này là thức ăn cho hàng triệu con chim biển.

Đáy biển khi thủy triều xuống

Bờ biển Ostsee thì muôn hình muôn vẻ. Có những đoạn bờ biển dốc đứng, hầu như không có chỗ để làm bãi tắm, nhưng cũng có rất nhiều đoạn bằng phẳng với những bãi cát rộng. Biển Ostsee gần như là một biển kín, hầu như không nhận ra được sự khác nhau lúc thủy triều lên, xuống.

Bờ biển Ostsee

Miền đồng bằng ở phía bắc nước Đức trải dài từ bờ biển đến vùng ven miền trung du. Ngày nay miền đồng bằng rộng lớn này được con người sử dụng rất đa dạng. Tạo cảnh tự nhiên, những khu nghỉ mát rất độc đáo, những vùng nông nghiệp trù phú, vùng có nhiều khoáng sản quý giá và những thành phố lớn, những trung tâm kinh tế mọc lên ở đây.

Phía nam nước Đức là dãy An pơ. Đây là rặng núi cao, lớn nhất châu Âu. Với cấu trúc hình vòng cung, An pơ trải dài trên 1200 km. Bảy nước có phần lãnh thổ nằm trên dãy An pơ. Một phần phía bắc dãy núi này thuộc lãnh thổ Đức, có ngọn núi cao nhất Đức, đỉnh Zugspitze.

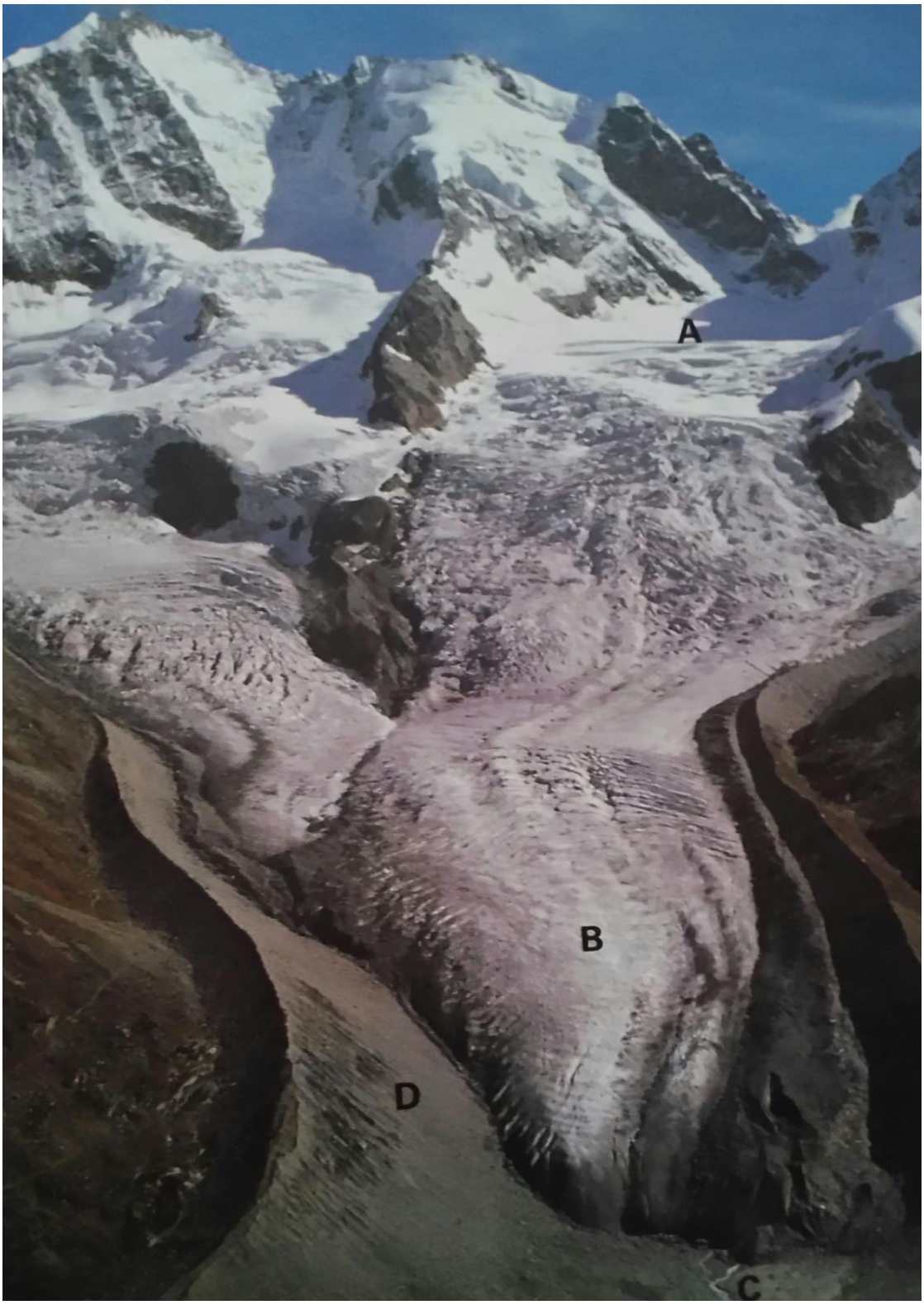

Dãy An- pơ – vùng núi cao

Vùng Schwarzwald, Thüringer Wald, Erzgebirge, Harz… là những vùng núi cao trung bình ở Đức. Vùng trung du này như một mảng ghép đa màu của rất nhiều quang cảnh. Ở đây có những dãy núi phủ rừng xanh và có cả những nơi cằn cỗi, nhưng cũng có cả những vùng màu mỡ, được công nghiệp hóa sớm và những thung lũng đông đúc dân cư.

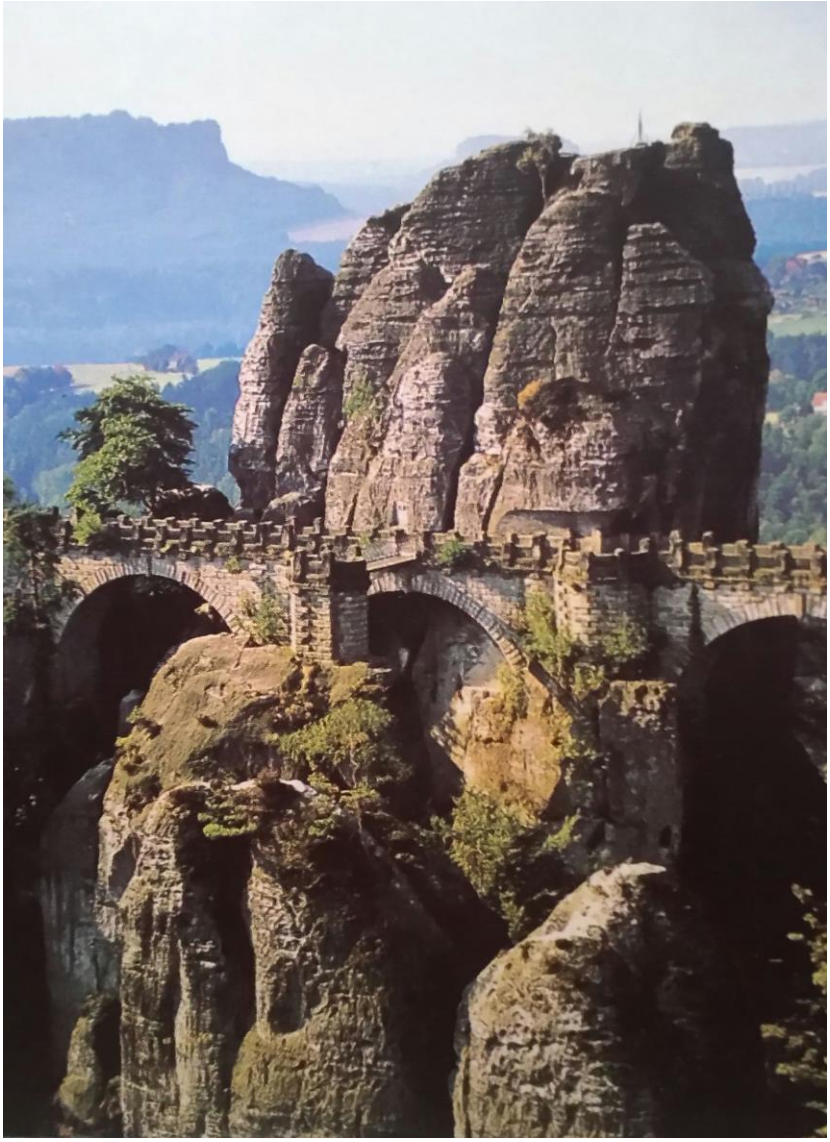

Vùng núi cao trung bình ở Sachsen

Nước Đức nằm ở miền khí hậu ôn đới, có khoảng 80 triệu dân. Đức được nói đến là một trong những quốc gia có mật độ dân đông và là nước nhập cư được ưa chuộng thứ hai thế giới, sau Mỹ.

Nước Đức là một thành viên sáng lập Liên minh châu Âu (EU) và là nước đông dân nhất trong khối. Cùng với 17 thành viên EU khác, Đức xây dựng Khu vực đồng Euro, một liên minh tiền tệ. Đức còn là thành viên của UNO (Liên hiệp quốc), của OECD (Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển), của NATO (Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương), của tổ chức G7 (Bảy nước kinh tế hàng đầu thế giới gồm Mỹ, Canada, Nhật, Đức, Anh, Pháp, Ý) và tổ chức G20 (Hai mươi nước công nghiệp phát triển của thế giới). Cộng hòa liên bang Đức là một quốc gia có ảnh hưởng rất lớn ở châu Âu, là đối tác hấp dẫn trên phạm vi toàn cầu.

Made in Germany: Sản phẩm công nghiệp của Đức nổi tiếng trên toàn thế giới. Mặc dù Đức là đất nước rất nghèo nguyên vật liệu, nhưng vẫn trở thành một nước công nghiệp tiên tiến. Sự hình thành một số khu công nghiệp dựa vào nguyên vật liệu, chẳng hạn than đá ở vùng Ruhr. Đối với một số khu công nghiệp khác, chẳng hạn

vùng Stuttgart, vấn đề nhân lực lao động là quan trọng hoặc là như vùng Berlin, nơi gần rất nhiều khách hàng.

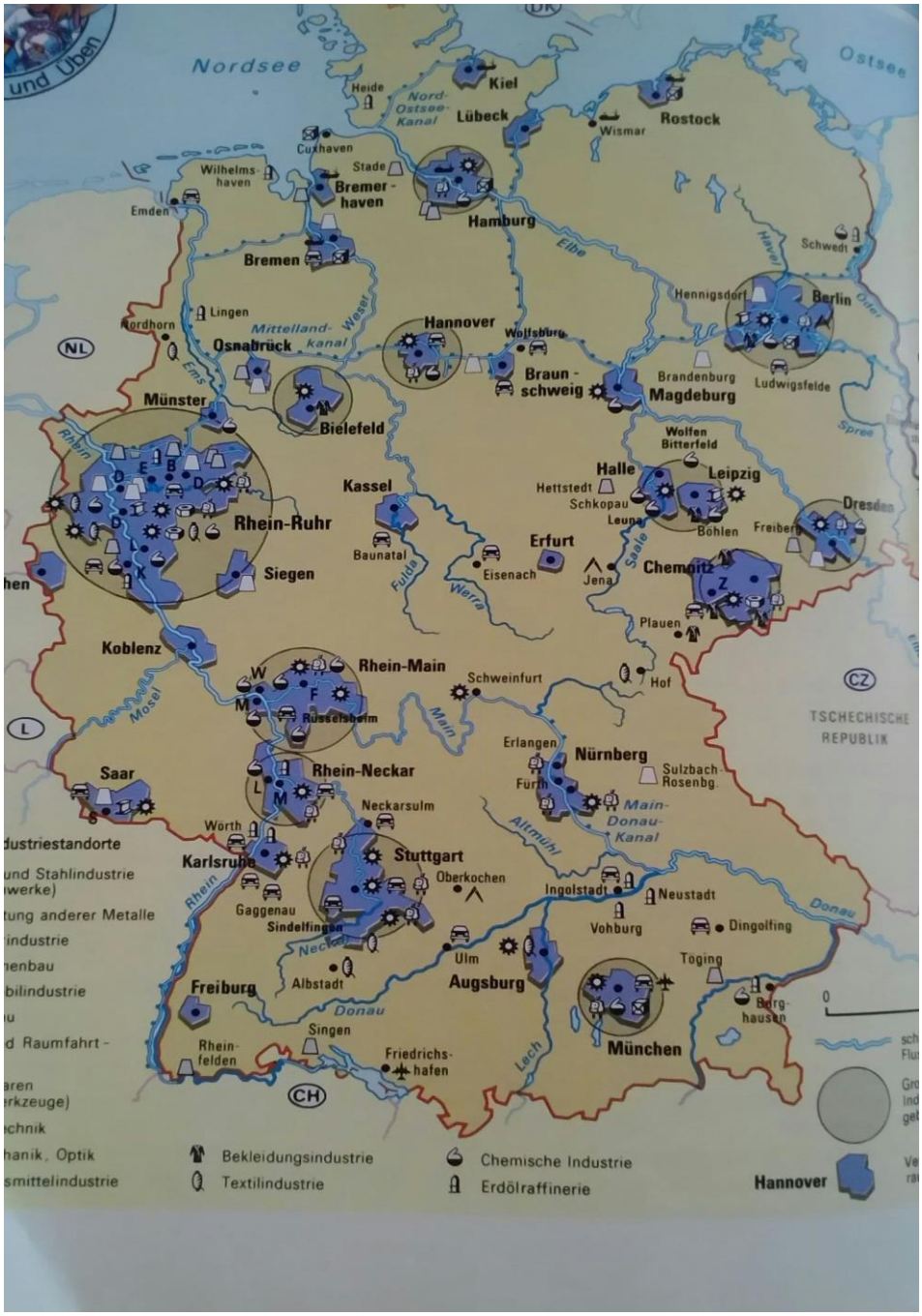

Những vùng tập trung công nghiệp ở Đức

Dựa vào tổng thu nhập thực tế nội địa thì nước Đức là nước có nền kinh tế lớn nhất châu Âu và đứng thứ tư trên thế giới. Năm 2010 Đức đứng thứ ba về xuất nhập khẩu. Chỉ số phát triển về con người đã xếp Đức vào số những nước rất phát triển.

CHƯƠNG 2

Cuộc chiến tranh Đức – Đan Mạch

Năm 1863, vua Đan Mạch Christian IV tìm cách chiếm trái phép Schleswig để sáp nhập vào vương quốc của mình. Chính vì thế quân đội Phổ và Áo, theo đề xướng của Liên minh Đức, đã tràn vào bán đảo Jüttland (Đan Mạch) và chiến thắng quân Đan Mạch tại chiến lũy Düppel. Triều đình Đan Mạch vì thế mất đứt luôn cả hai vùng lãnh địa Đức/ trước đó là vùng tranh chấp (Schleswig, Holstein). Hiệp ước Gastein (1865) xác nhận Schleswig dưới quyền quản lý của Phổ và Holstein dưới quyền của Áo.

Schleswig và Holstein là vùng tranh chấp cho đến 1963 và đường biên giới ngày nay giữa Đức và Đan Mạch (đường đứt đoạn màu trắng)

Sau đó hai cường quốc Đức (Phổ và Áo) đều muốn một mình bá chủ Đức nên sẵn sàng dùng quân sự để giải quyết hiện trạng song quyền này. Sau khi Bismarck (Thủ tướng Phổ) thỏa thuận được với Ý, Pháp và Nga giữ vai trò trung lập không can thiệp, ông đã kích thêm mâu thuẫn tranh chấp và cuộc chiến tranh đã nổ ra trên lãnh thổ Đức giữa Phổ (được 18 bang nhỏ và vừa ở phía bắc ủng hộ) và Áo (được 13 bang phía nam ủng hộ).

Do vũ khí và chiến thuật của quân đội Phổ tốt hơn nên mùa hè 1866 Phổ đã chiến thắng một cách nhanh chóng (trận đánh quyết định xảy ra ở Königgrätz) dẫn đến Hiệp ước hòa bình ký ở Nikolsburg. Vì Bismarck thuyết phục được vua và giới quân sự, đồng thời Phổ không có mục đích chiếm lãnh thổ, nên Pháp và Nga không can thiệp vào cuộc chiến.

Trận đánh gần Königgrätz

Kết quả và hậu quả của cuộc chiến tranh này là:

- Phổ thôn tính được các bang bắc Đức để thành lập Liên minh bắc Đức (1866).
- Đặt nền tảng cho Hiến pháp 1867 chính thức ra đời, do Bismarck dự thảo. Bản Hiến pháp này khẳng định quyền thống trị của Phổ trong Liên minh bắc Đức.
- Áo phải nhường vùng đất Venetien cho Ý, Áo bị loại khỏi chính trường Đức và vì thế chỉ tập trung vào những vấn đề nội trị của mình (quốc gia đa sắc tộc).
- Để tạo cán cân với Liên minh bắc Đức, một Liên minh độc lập ở miền nam được thiết lập.
- Phổ trở thành một cường quốc mới ở châu Âu.

CHƯƠNG 3

Bức điện tín vùng Ems và cuộc chiến tranh Đức – Pháp, sự thành lập Vương quốc Đức

Pháp đánh giá chiến thắng của Phổ năm 1866 và quyền thống trị tuyệt đối của họ ở đất Đức là làm suy yếu vị thế của Pháp. Căng thẳng giữa hai quốc gia tăng lên. Năm 1869 Leopold của dòng họ Hohenzollern-Sigmaringen (một dòng họ quý tộc ở Phổ) được mời giữ chức vua Tây Ban Nha. Vì lý do chiến lược chính trị, Bismarck ủng hộ chức ứng cử viên này. Nhưng dòng họ Hohenzollern-Sigmaringen với sự đồng ý của chính phủ Phổ đã khước từ đề nghị này.

Thế nhưng Pháp vẫn đòi hỏi Wilhelm I. phải bảo đảm dòng họ Hohenzollern phải từ bỏ vĩnh viễn ý đồ chiếm vương miện Tây Ban Nha. Đại sứ Pháp, bá tước Benedetti, ép Wilhelm I. đang ở vùng Bad Ems trong vấn đề này. Bức điện tín lên quan đến việc này đã bị Bismarck cắt xén nhiều (và qua đó làm tăng tính kích động) rồi cho đăng công khai (Emser Depesche).

Với hành động đó, ông đã đạt mục đích vạch mặt và cô lập Pháp, đồng thời kích động tinh thần quyện tụ dân tộc của người Đức. Khi Pháp tuyên chiến với Phổ (19.7.1870), những điều ước được thỏa thuận trong Liên minh bảo vệ nhau năm 1866 có hiệu lực, cuộc chiến tranh (Pháp – Phổ) lan rộng thành cuộc chiến Đức – Pháp.

Quân đội Đức xông lên và chiến thắng những trận đầu rất nhanh chóng. Sau khi thất bại ở Sedan, Pháp phải đầu hàng ngày 2.9.1870. Napoleon III bị bắt và bị giam ở Kassel. Cuộc hô hào tiếp sức cho cuộc chiến (phía Pháp) sau khi (Đức) tuyên bố thành lập nước ở ngay trên đất Pháp đã kết thúc bằng việc (Đức) chiếm Pari (tháng giêng 1871). Hiệp định hòa bình ở Frankfurt (10.5.1871) quyết định Pháp phải bồi thường chiến tranh và phải trả lại vùng đất Elsass-Lothingen (cho Đức).

Tuyên bố thành lập vương quốc Đức trong phòng gương của lâu đài Versailles

Ngay trong khi cuộc chiến còn đang tiếp diễn, Bismarck đã tận dụng được lòng yêu nước của người Đức để đàm phán với những bang miền nam Đức về việc sáp nhập vào Liên minh bắc Đức. Ông đã thuyết phục được những bang quan trọng như Bayern và Württemberg thông qua việc công nhận rất nhiều đặc quyền cho họ (ví dụ chủ quyền về quân sự trong hòa bình).

Bản tuyên ngôn của Hoàng đế được đọc ngày 18.1.1871 ngay trong phòng gương của lâu đài Versailles (phòng đãi thượng khách). Vương quốc Đức được hình thành sau khi các bang miền nam Đức sáp nhập vào Liên minh bắc Đức. Vấn đề quyết định đáng chú ý ở đây là việc thành lập vương quốc này không xuất phát từ nhân dân mà từ lãnh chúa của các vùng. Do đó vương quốc Đức mang một đặc thù riêng. Cuộc chiến tranh Đức – Pháp đã mang lại hàng loạt những yếu tố cơ bản và có tác dụng lâu dài cho tương lai:

- Sự thống nhất dân tộc Đức đạt được nhờ việc thành lập Vương quốc Đức.
- Cơ cấu quyền lực ở châu Âu thay đổi hẳn vì sự ra đời của một cường quốc mới.
- Việc thành lập Vương quốc Đức gây ra những nghi ngờ đối với chính thể này, vì sự thống nhất xảy ra quá nhanh chóng nhờ sức mạnh quân sự vượt trội.
- Chính sách đối ngoại của Bismarck mang tính quyết định cho việc thành lập Vương quốc này.
- „Mối thù truyền kiếp“ giữa Đức và Pháp được khoét sâu thêm
- Bismarck được phần lớn người Đức tôn sùng, vai trò của ông không còn gì phải bàn cãi.

CHƯƠNG 4

Luật xã hội do nhà nước ban hành – Vai trò của cá nhân Bismarck

Trong những năm 80 Bismarck đã ban hành một bộ luật xã hội rất tiến bộ. Động lực chính cho việc này là đáp ứng những đòi hỏi cấp thiết nhất của giới công nhân và như vậy sẽ „làm mất gió thuyền buồm“ của đảng SPD. Để hy vọng đạt được điều đó, ông đã cho ban hành những bộ luật sau đây:

- Bảo hiểm khi bị bệnh tật: Giới thợ trả 2/3 và chủ trả 1/3 tổn phí.
- Bảo hiểm khi tai nạn: Chủ trả hoàn toàn tổn phí.
- Bảo hiểm khi mất sức lao động và khi về già (từ 70 tuổi): Thợ và chủ mỗi bên trả một nửa.

Mặc dù việc ban hành những luật lệ này là một tấm gương đáng học ở châu Âu, nhưng nó không làm giảm bớt căng thẳng giữa một nhà nước quân chủ độc tài và giới công nhân, vì nó ra đời mà không có sự tham gia của những người trong cuộc.

Otto von Bismarck đã tạo những nền tảng cho bảo hiểm xã hội ở Đức

Đường lối đối ngoại của Bismarck

Chính sách liên minh của Bismarck để cô lập Pháp (tranh biếm họa-Đức liên minh với Nga, Áo, Anh, Ý và các nước Ban căng)

„Những cuộc chiến tranh dẫn đến thống nhất “ năm 1866 và 1870/71 đã quyết định chủ yếu đường lối đối ngoại của Bismarck, xuất phát từ những tiền đề sau đây:

- Sự hình thành Vương quốc Đức đã làm lệch cán cân quyền lực ở châu Âu.
- Việc ổn định một đất nước còn non trẻ được ưu tiên trước hết và chỉ có thể đạt được thông qua tập trung phát triển những vấn đề nội trị.
- Phải làm giảm thiểu sự nghi kỵ của nước ngoài.
- Vị trí địa lý nằm ở trung tâm là không thuận lợi cho vấn đề chiến lược.
- „Mối thù truyền kiếp“ với Pháp.
- Đối thủ của Nga và Áo- Hung ở vùng Ban- căng.
- Quan hệ tốt với Nga (Phổ không ủng hộ sự nổi dậy của Ba Lan chống Nga năm 1863) và với Anh (Quan hệ thân thiện với những dòng họ cầm quyền).

Dựa trên cơ sở này, năm 1877 Bismarck đã phác họa ra đường lối đối ngoại của mình. Những điểm chính trong đó là:

- Thể hiện sự thỏa mãn với việc không đòi lãnh thổ và thuộc địa.
- Tạo an toàn cho Vương quốc Đức còn non trẻ thông qua việc tham gia vào những liên minh quan trọng ở châu Âu.
- Ổn định cán cân quyền lực ở châu Âu.
- Không để những tranh chấp hay chiến tranh xảy ra ở châu Âu cũng như lấn chiếm vùng ngoại vi châu Âu (ví dụ vùng Ban- căng) hoặc ngoài lục địa này (chiếm thuộc địa).
- Qua đó ổn định hóa „cán cân vốn bất ổn“ ở châu Âu và cô lập Pháp.

Đánh giá về Bismarck

Cho đến ngày nay, Bismarck vẫn được đánh giá dưới nhiều giác độ khác nhau. Mỗi đánh giá đều phụ thuộc vào thời điểm lịch sử gần hay xa, vào vị thế tư tưởng chính trị của chính người đánh giá. Về cơ bản phải phân biệt giữa một con người làm công tác đối ngoại có năng lực, có tầm nhìn xa trông rộng và một con người đưa ra chính sách nội trị, ít nhạy bén về xu hướng phát triển mới không thể đảo ngược được của thế kỷ thứ 19 (Chủ nghĩa tự do ra đời, dân chủ, các đảng phái, giới công nhân…) và vì thế chính sách đối nội của ông không mấy thành công.

Trong khoảng thời gian từ 1866 đến 1945 Bismarck được đánh giá, chủ yếu trên cương vị của một nhà ngoại giao, là „người sáng lập thiên tài của Vương quốc Đức“, là „vị thủ tướng sắt thép“ và được ca ngợi hết lời vì lý do tự hào dân tộc. Từ năm 1945, việc đánh giá Bismarck có phần khách quan hơn, có chú ý đến những thắng, bại cũng như phương pháp thực hiện của ông trong chính sách đối nội, đối ngoại, chú ý đến ảnh hưởng do chính sách của ông đối với Vương quốc thứ ba (Thời kỳ Hitler lên nắm quyền). Đó là tư duy nhà nước quyền lực, tôn uy quyền nhà nước, tinh thần phục dịch của dân chúng, chủ nghĩa quân phiệt dùng „sắt và máu“. Chính vì thế, ngành viết sử hiện đại đã xa lánh Bismarck, vì kể cả chính sách nội trị lẫn ngoại giao của ông bị những nhà sử học có tên tuổi (ví dụ Golo Mann) đánh giá là sự khởi đầu „con đường dẫn đến chế độ Hitler“.

CHƯƠNG 5

Cuộc cách mạng công nghiệp và quá trình công nghiệp hóa ở Đức

Khái niệm Cách mạng công nghiệp có liên quan đến những thập kỷ đầu tiên, thời kỳ phát triển nhanh chóng trong nền công nghiệp của một đất nước. Khoảng thời gian này được thể hiện qua những yếu tố cần thiết sau đây:

- Dùng máy móc để sản xuất hàng loạt trong các xí nghiệp
- Hệ thống các xí nghiệp sản xuất theo sự phân công lao động
- Sản xuất tăng đột biến
- Lần đầu tiên sử dụng sắt và than với một số lượng lớn
- Làm công ăn lương tự do là hình thức làm việc của giới công nhân
- Làn sóng rời nông thôn và quá trình đô thị hóa.

Cuộc cách mạng công nghiệp đánh dấu:

- Sự chuyển đổi của một đất nước về mặt kinh tế xã hội diễn ra trong ít thập kỷ. Sự chuyển đổi này nó có tác dụng làm thay đổi cơ bản và sâu rộng về chính trị, xã hội, kinh tế, kỹ thuật;
- Mô hình nước Anh định hình theo thời đại và địa lý;
- Một quá trình ổn định và sẽ lặp lại (ngày nay ở những nước đang phát triển và những nước sắp trở thành quốc gia công nghiệp)

Ngược lại khái niệm Công nghiệp hóa ở một đất nước diễn tả một quá trình phát triển toàn diện nhiều mặt như kinh tế, tiến hóa, chính trị xã hội mà sự khởi đầu mạnh mẽ của nó chính là Cuộc cách mạng công nghiệp.

Thường cả hai khái niệm này luôn đi song song và được vận dụng như là hai khái niệm đồng nghĩa. Điều cơ bản là cuộc cách mạng công nghiệp là vết khắc sâu nhất trong lịch sử loài người mà ý nghĩa của nó chỉ có thể so sánh với cuộc cách mạng Tân thạch (thời kỳ đồ đá mới, sống định cư, sử dụng kim loại, xuất hiện một xã hội phân cấp). Kết quả của nó là tạo ra một xã hội công nghiệp hiện đại, một thế giới hiện đại.

Ở nước Anh, Cách mạng công nghiệp đã thực sự đi vào thực tế từ những năm 80 của thế kỷ thứ 18, vì ở đó tiền đề về chính trị, xã hội, kinh tế và địa lý về cơ bản là tốt hơn. So với Anh, Đức hồi đó rất lạc hậu, đó là lý do vì sao Cách mạng công nghiệp xảy ra muộn hơn, khoảng 70 năm sau.

Sự lạc hậu về kinh tế có hàng loạt nguyên nhân: Nhiều quốc gia nhỏ lẻ có chính sách hạn chế thương mại, chưa có giai cấp trung lưu tự lập, ít quan tâm đến những cải tiến kỹ thuật và kinh tế, nhiều cái bị cấm đoán, kìm hãm sáng kiến, xã hội có giai cấp rất cứng nhắc, hệ thống giáo dục khiếm khuyết, không có thuộc địa, không có buôn bán liên lục địa, nguyên vật liệu đắt, hạ tầng cơ sở kém phát triển (mạng lưới giao thông thưa thớt, ít đường tốt, ít kênh rạch lưu thông)

Quá trình diễn ra cách mạng công nghiệp ở Đức

Cuộc cách mạng này bắt đầu ở nước Phổ bằng cải tổ theo chương trình của hai ông Stein – Hardenberg (Giải phóng nông dân, tự do kinh doanh, xóa bỏ hải quan nội địa, tự do chọn chỗ ở)

Đặc điểm của giai đoạn đột phá (1835/50 – 1873):

- Phương pháp mới cho sản xuất hoặc được cải thiện, phương tiện làm việc mới.
- Sản xuất công nghiệp thay cho phương pháp thủ công.
- Quá trình quá độ từ làm bằng tay chuyển sang làm bằng máy.
- Công nghiệp nặng là công nghiệp then chốt.
- Phương tiện vận chuyển mới (đường sắt)
- Sản xuất nông nghiệp tăng
- Mở rộng đường giao thông
- Đẩy mạnh đầu tư vốn

- Cải tiến công nghệ luyện thép
- Phát triển kỹ thuật (động cơ điện, máy dynamo phát điện)

Nhà máy Borsigwerke ở Berlin thể hiện hình ảnh của cả một quận

Giai đoạn đột phá kết thúc đột ngột vì làn sóng thành lập hãng bị khủng hoảng (1873 – 1885). Niềm vui chiến thắng Pháp và sự thành lập Vương quốc cũng như việc đền bù chiến tranh của Pháp đầu những năm 70 đã tác động đến việc thành lập rất nhiều xí nghiệp sản xuất, đầu cơ chứng khoán mang nhiều rủi ro.

Năm 1873 xảy ra „sự đổ vỡ lớn“ ở thị trường chứng khoán Viên rồi nhanh chóng ảnh hưởng đến châu Âu và Mỹ. Vì làn sóng lập hãng gặp khủng hoảng, nền kinh tế bị đình đốn đến năm 1880.

Giai đoạn mở rộng (1885 – 1914) nền kinh tế lại chứng kiến sự hưng thịnh, cho đến khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Khoảng thời gian chuyển thế kỷ, Vương quốc Đức là nước có nền kinh tế mạnh nhất châu Âu. Có một loạt lý do dẫn đến việc này:

- Sự tăng trưởng dân số rất mạnh
- Thống nhất trong lĩnh vực kinh tế
- Thống nhất hệ thống tiền tệ và đo lường
- Giàu trữ lượng than, đủ mỏ quặng (vùng Ruhr, Saarland, Elsass-Lothingen, Schlesien)
- Cải thiện hệ thống giáo dục và đào tạo nghề
- Xuất hiện các nhà băng công nghiệp và các hãng chứng khoán.

Cuộc cách mạng công nghiệp thể hiện ở Đức hàng loạt điểm đặc biệt:

- Sản xuất đại trà tăng vọt từ năm 1850

- Công nghiệp luyện sắt và thép là yếu tố dẫn đường cho sự phát triển công nghiệp (ở Anh: công nghiệp dệt khăn)
- Xuất hiện những vùng công nghiệp trọng điểm (Berlin, vùng Ruhr, vùng Rhein-Main)
- Công nghiệp hóa chất và điện trở thành ngành công nghiệp đặc thù „Đức“ (Justus von Liebig, Badische Anilin-und Soda- Fabrik = BASF, Siemens)
- Sự vô sản hóa giai cấp công nhân tăng lên

Hậu quả cho xã hội

Cuộc cách mạng công nghiệp đã làm thay đổi xã hội thời gian sau đó: Đa phần giới công nhân bị vô sản hóa và bị hạ thấp về mặt xã hội, hậu quả là sự đối đầu giữa giới công nhân và nhà nước, đồng thời nó đẩy nhanh sự phát triển của phong trào công nhân (thành lập các đảng, công đoàn). Tầng lớp quyết định chính trị kinh tế trở thành tư sản chiếm hữu, được chứng minh bằng Luật bầu cử ba giai cấp (giá trị của lá phiếu tỷ lệ với số tiền bỏ ra đóng thuế). Giới quý tộc mất dần vai trò, mặc dù cho đến năm 1933 ở một số lĩnh vực xã hội, họ vẫn giữ được vai trò (quân sự, ngoại giao, các chức vụ cao trong quản lý)

Một tranh biếm họa của wikis.zum.de

Nhà ở của một gia đình công nhân

Vấn đề xã hội (khái niệm tổng hợp để diễn tả điều kiện sống và làm việc tồi tệ cũng như vị trí chính trị xã hội yếu kém của giới công nhân) có rất nhiều nguyên nhân: Thu nhập thấp, lực lượng tìm việc làm quá đông, hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa mà nhà nước lúc ban đầu không can thiệp vào.

Để cải thiện hoàn cảnh của giai cấp công nhân, nhiều tổ chức đã tìm cách giải quyết: Các hãng tư nhân, nhà thờ, các đảng Thiên chúa giáo, nhà nước ban luật, các đảng công nhân, công đoàn, chủ nghĩa Mác.

CHƯƠNG 6

Thời đại Wilhelm

Wilhelm II. (cháu của hoàng đế Wilhelm I.) lên ngôi hoàng đế năm 1888. Không bao lâu sau đã có căng thẳng giữa một Wilhelm II. trẻ, năng nổ và một Bismarck già nua, luôn suy tính kỹ lưỡng, điều đó đã dẫn đến việc ông bị thải hồi năm 1890.

Hoàng đế Wilhelm II

Mặc dù khi cho Bismarck về vườn, Wilhelm II. hứa sẽ tiếp tục đường lối cũ, nhưng sau đó ông đã có những thay đổi cơ bản trong đường lối mới của mình, trong các lĩnh vực chính trị, quân sự và đặc biệt trong đối ngoại.

Những đặc điểm chính trị của đường lối mới:

- Phong cách trị vì của Wilhelm II. độc đoán, ông xuất hiện thường to tiếng và không khôn khéo.
- Cách trị vì này cộng với không có tầm nhìn xa trông rộng, luôn làm xuất hiện những vấn đề đối nội cũng như đối ngoại.
- Những quyết định về nội trị và ngoại giao được quyết định không có sự tham dự của cơ quan giám sát hiến pháp.
- Wilhelm II. thành lập một chính phủ phụ gồm những thân tín của mình. Nhóm này cùng hoàng đế quyết định toàn bộ chính sách.
- Chính sách liên minh của Bismarck bị hủy bỏ.
- Vương quốc Đức ràng buộc chặt chẽ với Áo.
- Đe dọa quân sự thường được dùng làm phương tiện ngoại giao.

Những điều đáng chú ý về mặt quân sự

- Đòi hỏi quyền lãnh đạo của giới quân sự mạnh hơn trong lĩnh vực chính trị và xã hội.
- Thường xuyên tuyên truyền sẵn sàng chiến tranh, sẵn sàng chiến đấu.
- Là chủ mưu kích chạy đua vũ trang ở châu Âu (rõ nét nhất vì phát triển hạm đội hải quân)

Những đặc điểm về đối ngoại:

- Wilhelm II. lớn tiếng đòi vị trí cường quốc thế giới cho Vương quốc Đức. Khẩu hiệu thời kỳ này là „thuộc địa, thuộc địa!“, „Cần một vùng có ánh nắng mặt trời“ và „Tương lai của Đức nằm trên mặt nước!“.
- Bằng chính sách thuộc địa và chính sách đối ngoại hiếu chiến, dùng quân sự, ông ta đã tạo nên những xung đột mới hoặc làm căng thẳng thêm tình hình vốn đã căng thẳng sẵn. Kết quả của chính sách đối ngoại này của ông là tạo điều kiện để liên minh giữa Anh, Pháp và Nga hình thành, ngược hẳn với chính sách của Bismarck.

Chính sách đối ngoại của Wilhelm II.

Chính sách đối ngoại của Wilhelm được đánh dấu bằng những hành động chính cũng như qua những sự kiện sau đây:

- Năm 1890 ông không phê chuẩn tiếp Hiệp ước với Nga (Bismarck ký với Nga 1887 thời hạn ba năm với nội dung không can thiệp trong trường hợp xảy ra chiến tranh Đức- Pháp hoặc chiến tranh Nga – Áo). Hậu quả là Liên minh Nga – Pháp ra đời (1894).
- Khi sắc dân Buren nổi dậy chống lại người Anh năm 1896 ở Transvaal thì Wilhelm II. chúc mừng tổng thống vùng Buren là Krüger. Hành động không khôn khéo này đã làm cho quan hệ Đức – Anh xấu đi thời gian sau đó.
- Năm 1890 Wilhelm cho quân viễn chinh đến Trung Quốc để dẹp loạn (có tên: Quyền anh phiến loạn) và yêu cầu phải trừng trị dân Trung Quốc thật dã man, không thương tiếc như „quân Nguyên“ đã từng làm.
- Trong một cuộc phỏng vấn trả lời báo Telegraf, ông đã bình luận hạ thấp chính sách của Anh với thái độ rất kiêu căng và qua đó đưa quan hệ Đức – Anh xuống mức thấp nhất.
- Chính sách xây dựng hạm đội, nền tảng để Đức vươn lên bá chủ thế giới, bị Anh coi là một mối đe dọa.
- Chính sách đối ngoại của Wilhelm thời kỳ trước Chiến tranh thế giới thứ nhất làm cho Đức càng bị cô lập.